

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 33
H: 10

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch (22431102)

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 43

Số bài thi: 43

Số tờ giấy thi: 43

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121130047	Phan Nữ Quỳnh Anh	08/06/1990	CCQ2124E			0,0	Vắng		
2	2122240098	Đặng Thị Cẩm Đào	02/12/2004	CCQ2224D	03	Đào	9,3	8,0	8,5	
3	2121240061	Nguyễn Ngọc Diễm	09/11/2002	CCQ2124C	03	Diễm	6,4	4,0	5,0	
4	2122240108	Nguyễn Thế Dũng	16/11/2001	CCQ2224D	03	Đũng	7,7	5,5	6,4	
5	2122240007	Hồ Thị Giang	25/12/1999	CCQ2224A	03	Giang	7,3	4,8	5,8	
6	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10/06/2003	CCQ2224C	03	Hiền	8,6	7,6	8,0	
7	2122240028	Hồ Thị Kim Hoa	08/05/2004	CCQ2224A	03	Hoa	7,3	7,4	7,4	
8	2122240048	Trần Khánh Hưng	02/02/2004	CCQ2224B	03	Hưng	5,9	6,2	6,1	
9	2121240067	Lâm Thị Hải Hương	28/04/2003	CCQ2124C			0,0	Vắng		
10	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều Hương	05/05/2003	CCQ2224C	03	Hương	7,3	7,9	7,7	
11	2121240004	Bùi Quốc Hữu	31/01/2003	CCQ2124A	03	Hữu	6,2	5,0	5,5	
12	2122240072	Lê Hoàng Khương	28/05/2001	CCQ2224C	03	Khương	8,7	8,8	8,8	
13	2122240106	Bùi Thị Trúc Linh	11/09/2004	CCQ2224D	03	Linh	8,3	7,1	7,6	
14	2122240110	Hoàng Thị Mai	10/11/2001	CCQ2224D	03	Mai	6,9	7,8	7,4	
15	2122240200	Huỳnh Thị Trúc My	25/10/2004	CCQ2224E	03	My	5,8	6,0	5,9	
16	2122240010	Lê Thị Xuân Ngân	20/10/2004	CCQ2224A	03	Ngân	7,2	5,0	5,9	
17	2122240089	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	10/02/2004	CCQ2224C	03	Ngọc	7,6	5,2	6,2	
18	2122240079	Hồ Thị Mỹ Nhân	09/09/2004	CCQ2224C	03	Nhân	6,7	4,7	5,5	
19	2122240025	Mai Ngọc Ý Nhi	19/01/2004	CCQ2224A	03	Nhi	6,2	3,5	4,6	
20	2122240101	Phạm Thị Hằng Ni	12/11/2004	CCQ2224D	03	Ni	8,5	5,2	6,5	
21	2122240058	Ngô Nguyễn Thanh Uyên	29/05/2004	CCQ2224B	03	Uyên	6,2	5,2	5,6	
22	2122240091	Đỗ Ngọc Như Quỳnh	13/04/2004	CCQ2224C	03	Quỳnh	6,4	6,3	6,3	
23	2122240069	Nguyễn Thị Tú Quỳnh	04/10/2003	CCQ2224C	03	Tú	8,9	9,0	9,0	
24	2122240191	Nguyễn Trần Ngọc Quỳnh	27/06/2004	CCQ2224F	03	Quỳnh	7,2	5,6	6,2	
25	2122240060	Vũ Thị Trúc Linh	27/10/2004	CCQ2224B	03	Linh	5,9	2,1	3,6	
26	2122240197	Lê Thị Thu Sương	10/06/2004	CCQ2224E	03	Sương	7,9	5,5	6,5	
27	2122240148	Hoàng Đặng Thế Tân	01/04/2004	CCQ2224E	03	Tân	7,3	7,2	7,2	
28	2122240185	Cao Thị Thanh Thảo	16/07/2004	CCQ2224F	03	Thảo	5,6	4,0	4,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(25)

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch (22431102)

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 43

Số bài thi: 43

Số tờ giấy thi: 43

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122240090	Đặng Trần Anh	Thư	24/11/2004	CCQ2224C	03	Thư	7,2	6,2	6,6
30	2122240173	Hồ Thị Xuân	Thùy	02/10/2004	CCQ2224F	03	Thùy	6,8	6,5	6,6
31	2122240203	Đỗ Thị	Thùy	10/11/2001	CCQ2224D	03	Thùy	7,5	8,0	7,8
32	2122240008	Lê Thị Hồng	Tiên	26/04/2001	CCQ2224A	03	Tiên	8,3	6,9	7,5
33	2122240013	Đàng Thị Mỹ Kim	Tiến	23/04/2001	CCQ2224A	03	Tiến	5,8	2,3	3,7
34	2122240155	Nguyễn Thị Hoà	Tĩnh	10/08/2002	CCQ2224B			4,3	CT	
35	2122240059	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trâm	19/06/2004	CCQ2224B	03	Trâm	6,7	5,5	6,0
36	2122240082	Phạm Thị Huyền	Trâm	16/09/2004	CCQ2224C	03	Trâm	6,1	2,9	4,2
37	2122240132	Trần Thị Huyền	Trang	15/04/2004	CCQ2224E			3,1	CT	
38	2122240205	Lâm Đoàn Quốc	Trí	07/05/2004	CCQ2224B			5,7	CT	
39	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	23/06/2004	CCQ2224D	03	Trình	6,5	4,0	5,0
40	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	CCQ2224D	03	Trúc	4,6	1,9	3,0
41	2122240063	Đạo Thanh	Trường	28/01/2004	CCQ2224C	03	Đạo	8,3	5,3	6,5
42	2122240088	Nguyễn Cẩm	Tú	01/06/2004	CCQ2224C	03	Tú	6,2	2,9	4,2
43	2120240119	Hồ Thị Thanh	Tuyền	27/05/2002	CCQ2024D	03	Thanh	5,7	3,5	4,4
44	2122240073	Lê Thị Ngọc	Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C	03	Ngọc	5,0	5,3	5,2
45	2122240161	Nguyễn Ngọc	Tuyền	17/11/2004	CCQ2224C	03	Ngọc	6,6	4,0	5,0
46	2122240076	Bùi Thị Tuyền	Vi	22/10/2004	CCQ2224C	03	Vi	6,7	6,9	6,8
47	2122240095	Trần Phạm Long	Vũ	19/03/2004	CCQ2224D	03	Long	6,6	1,9	3,8
48	2122240064	Trương Thị Ngân	Vy	01/02/2003	CCQ2224C			3,6	CT	
49	2122240065	H.	Yến	25/11/2003	CCQ2224C	03	Yến	5,1	4,6	4,8